



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Văn Đức¹, Trần Thị Hải Tú², Châu Võ Trung Thông^{1*}

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

² Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Triệu Phong, Quảng Trị, Việt Nam

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện tại Huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp để từ đó đề xuất các giải pháp sử dụng đất sản xuất nông nghiệp bền vững. Nghiên cứu đã lựa chọn 3 xã đại diện cho 3 tiểu vùng sinh thái của huyện Triệu Phong để điều tra phỏng vấn 106 hộ về tình hình sản xuất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp: xã Triệu Ái đại diện cho vùng trung du (Tiểu vùng 1); xã Triệu Đại đại diện cho vùng đồng bằng (Tiểu vùng 2) và xã Triệu An đại diện cho vùng ven biển (Tiểu vùng 3). Kết quả nghiên cứu cho thấy giá trị sản xuất (GTSX) bình quân của đất sản xuất nông nghiệp là 39,722 triệu đồng/ha; giá trị gia tăng (GTGT) là 25,649 triệu đồng/ha, GTSX/LĐ (lao động) là 0,270 triệu đồng và GTGT/lao động là 0,177 triệu đồng. Loại hình sử dụng đất chuyên lúa ở tiểu vùng 2 (vùng đồng bằng) có GTSX và GTGT lớn nhất, lần lượt là 81,863 triệu đồng/ha và 53,635 triệu đồng/ha. Bình quân GTGT/lao động ở Tiểu vùng 2 là 0,341 triệu đồng, gấp 1,3 lần tiểu vùng 1, gấp 2,9 lần tiểu vùng 3.

Từ khóa: hiệu quả sử dụng đất, loại hình sử dụng đất, sản xuất nông nghiệp, Triệu Phong, Quảng Trị

EVALUATING EFFECTIVENESS OF AGRICULTURAL PRODUCTION LAND USE IN TRIEU PHONG DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

Nguyen Van Duc¹, Tran Thi Hai Tu², Chau Vo Trung Thong^{1*}

¹ University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

² Land Registration Office branch in Trieu Phong District, Quang Tri Province, Vietnam

Abstract: This study was conducted in Trieu Phong District, Quang Tri Province to evaluate the effectiveness of agricultural production land use so as to propose solutions for sustainable agricultural land use. The study selected 3 communes representing 3 ecological sub-regions of Trieu Phong district to investigate and

* Liên hệ: chauthonghuaf@hueuni.edu.vn

interview 106 households about the current status of agricultural production and effectiveness of agricultural production land use. They are: Trieu Ai commune representing the midland (Sub-region 1), Trieu Dai commune representing the delta (Sub-region 2) and Trieu An commune representing the coastal area (Sub-region 3). The findings of the research showed that total average gross of agricultural production land is VND 39.722 millions per hecta and the added value is VND 25.649 millions per hecta. The total average gross per labour is VND 0.177 millions and the average added value per labour is VND 0.177 millions. The land use type specializing in rice in Sub-region 2 (delta) has the largest value in term of total gross and added value. These figures are VND 81.863 millions per ha and VND 53.635 million per ha respectively. The average added value per labour in Sub-region 2 is VND 0.341 millions. This figure was 1.3 times higher than in Sub-region 1 and 2.9 times higher than Sub-region 3.

Key words: agricultural production, effectiveness of land use, LUT, land use type, Quang Tri, Trieu Phong

1 Đặt vấn đề

Đất là cơ sở của sản xuất nông nghiệp, là yếu tố đầu vào có tác động mạnh mẽ đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Việc sử dụng đất đai có hiệu quả và bền vững đang trở thành vấn đề cấp thiết với mỗi quốc gia, nhằm duy trì sức sản xuất của đất đai cho hiện tại và cho tương lai. Do đó, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp từ đó lựa chọn các loại hình sử dụng đất có hiệu quả, theo quan điểm sinh thái và phát triển bền vững đang trở thành vấn đề mang tính chất toàn cầu đang được các nhà khoa học trên thế giới quan tâm. Đối với một nước có nền nông nghiệp chủ yếu như Việt Nam, nghiên cứu, đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu đánh giá hiện trạng tài nguyên đất đai, đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam đã được thực hiện và công bố. Nghiên cứu của Đỗ Văn Nhạ và Nguyễn Thị Phong Thu đã đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên [1]. Kết quả cho thấy, toàn huyện có 5 loại hình sử dụng đất (LUT) với 17 kiểu sử dụng đất. Một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả cao, như: 2 lúa + bí xanh, 2 lúa + cà chua, chuyên rau màu, cây ăn quả và chuyên cá. Một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế cao nhưng lại ảnh hưởng đến môi trường do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vượt quá ngưỡng khuyến cáo như cây rau, màu [1]. Nghiên cứu của Trần Thị Thanh Hoa đã tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình [2]. Qua nghiên cứu đã xây dựng được bản đồ đơn vị đất đai của huyện gồm 21 đơn vị đất đai, khuyến nghị giữ ổn định các loại hình sử dụng đất (LUT) chuyên lúa với kiểu sử dụng đất Lúa xuân – lúa mùa và LUT chuyên rau màu với kiểu sử dụng đất Lạc – ngô – khoai tây [2]. Nghiên cứu của Phan Chí Nguyễn và cộng sự đã đánh giá tiềm năng đất đai cho phát triển vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang [3]. Kết quả là đã thành lập được 24 đơn vị đất đai từ 05 đặc tính đất đai. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã xây dựng được 5 vùng thích nghi về điều kiện tự nhiên kết hợp với kinh tế cho 5 kiểu sử dụng đất (lúa 03 vụ, lúa 3 vụ-cá, lúa 2 vụ,

lúa-màu và cây ăn trái) [3]. Nguyễn Thế Vinh và cộng sự đã nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trước và sau quá trình tích tụ và tập trung đất đai tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình [4]. Kết quả cho thấy đất chuyên lúa, đất chăn nuôi tổng hợp và đất nuôi trồng thủy sản là các loại hình sử dụng đất điển hình. Mô hình lúa – cá – vịt cho giá trị gia tăng đạt 81,27 triệu đồng/ha/năm, hay mô hình cá – vịt đạt 64 triệu đồng/ha/năm. Đất chuyên lúa có giá trị gia tăng gấp 1,97 lần so với trước tích tụ và tập trung đất. Mô hình nuôi cá cho thu nhập 860 nghìn đồng/công, góp phần tăng nguồn thu nhập cho người dân địa phương [4]. Nghiên cứu đã đưa ra kết luận rằng quá trình tích tụ và tập trung đất nông nghiệp đã tạo nên các loại hình sử dụng đất mới mang lại hiệu quả cao. Như vậy có thể việc nghiên cứu đánh giá hiện trạng tài nguyên đất đai, đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là cần thiết. Chính vì vậy nghiên cứu này được triển khai nhằm đánh giá hiệu quả của các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp sử dụng đất nông nghiệp bền vững tại địa phương.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Phương pháp điều tra thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp

Chọn điểm nghiên cứu: Xuất phát từ đặc điểm địa hình của huyện Triệu Phong nghiêng từ Tây sang Đông, được chia 3 vùng rõ rệt: gò đồi, đồng bằng và vùng cát ven biển. Nên nghiên cứu đã lựa chọn 3 xã đại diện cho 3 vùng sinh thái khác nhau của huyện Triệu Phong để nghiên cứu gồm: xã Triệu Ái đại diện cho vùng trung du (Tiểu vùng 1); xã Triệu Đại đại diện cho vùng đồng bằng (Tiểu vùng 2) và xã Triệu An đại diện cho vùng ven biển (Tiểu vùng 3).

Thu thập số liệu thứ cấp: Thu thập thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình sử dụng đất và những vấn đề liên quan đến nghiên cứu tại các cơ quan chuyên môn như: Phòng Nông nghiệp – Phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên – Môi trường, Chi cục Thống kê huyện Triệu Phong.

Thu thập số liệu sơ cấp: Điều tra phỏng vấn các nông hộ ở cả 3 xã được lựa chọn bằng bảng hỏi đã chuẩn bị sẵn về tình hình sản xuất nông nghiệp, hiệu quả sản xuất của đất sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu đã điều tra 106 hộ sản xuất nông nghiệp của 3 xã: xã Triệu Ái 36 hộ, xã Triệu Đại 35 hộ và xã Triệu An 35 hộ.

2.2 Phương pháp tổng hợp, phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất

Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế: Để tính hiệu quả kinh tế sử dụng đất trên 1ha đất của các loại hình sử dụng đất (LUT) sản xuất nông nghiệp nghiên cứu sử dụng các hệ thống các chỉ tiêu:

+ Giá trị sản xuất (GTSX): Là giá trị toàn bộ sản phẩm sản xuất ra trong kỳ sử dụng đất (một vụ, một năm, tính cho từng cây trồng và có thể tính cho cả công thức luân canh hay hệ thống sử dụng đất).

+ Chi phí trung gian (CPTG): Là toàn bộ chi phí vật chí quy ra tiền sử dụng trực tiếp cho quá trình sử dụng đất (gống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ, nguyên liệu....).

+ Giá trị gia tăng (GTGT): Là giá trị mới tạo ra trong quá trình sản xuất được xác định bằng giá trị sản xuất trừ chi phí trung gian:

$$GTGT = GTSX - CPTG$$

+ Hiệu quả kinh tế trên ngày lao động: Thực chất đánh giá kết quả lao động cho từng loại hình sử dụng đất và từng loại cây trồng, để so sánh chi phí cơ hội cho từng lao động:

$$GTNC = GTGT/LĐ$$

Các chi phí phân tích được đánh giá định lượng bằng tiền theo thời gian, giá hiện hành năm 2018, các chỉ tiêu đạt giá trị càng cao thì hiệu quả kinh tế càng lớn.

Hiệu quả xã hội: Chỉ tiêu về mặt xã hội là chỉ tiêu khó định lượng được, nghiên cứu này chỉ đề cập một số chỉ tiêu sau: Mức thu hút lao động giải quyết việc làm, giá trị ngày công lao động của từng kiểu sử dụng đất.

Hiệu quả môi trường: Nghiên cứu này chỉ đề cập một số chỉ tiêu ảnh hưởng về mặt môi trường của các kiểu sử dụng đất hiện tại thông qua các chỉ tiêu như sau: Mức đầu tư phân bón và ảnh hưởng đến môi trường; và ý kiến chung của hộ dân về mức độ ảnh hưởng của loại hình sử dụng đất hiện tại đối với đất.

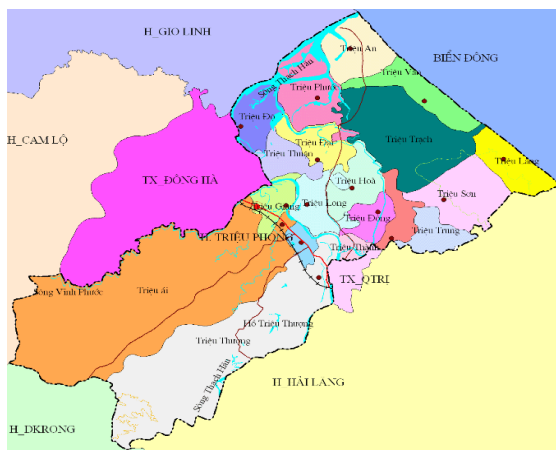
3 Kết quả và thảo luận

3.1 Khái quát địa điểm nghiên cứu

Triệu Phong là huyện phía Nam của tỉnh Quảng Trị, có tọa độ địa lý: 16,48–16,54 độ vĩ Bắc, 107,12–108,18 độ kinh Đông. Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 35.336,1 ha bao gồm 18 xã và một thị trấn. Thị trấn Ái Tử là trung tâm kinh tế văn hóa – xã hội của huyện, cách thành phố Đông Hà 7 km về phía Bắc và thị xã Quảng Trị 1 km về phía Nam. Dân số của huyện theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là 88.852 người [5]. Thống kê đất đai năm 2018 cho thấy: Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp là 28.180,6 ha, chiếm 79,75% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện; nhóm đất phi nông nghiệp là 6.047,8 ha, chiếm 17,12% và nhóm đất chưa sử dụng 1.107,7 ha, chiếm 3,13% [6].

Nghiên cứu đã lựa chọn 3 xã đại diện cho 3 vùng sinh thái khác nhau của huyện Triệu Phong để nghiên cứu gồm: xã Triệu Ái đại diện cho vùng trung du (Tiểu vùng 1); xã Triệu Đại đại diện

cho vùng đồng bằng (Tiểu vùng 2) và xã Triệu An đại diện cho vùng ven biển (Tiểu vùng 3). Tổng diện tích đất nông nghiệp của 3 xã nghiên cứu là 10.924,7 ha, chiếm 38,77% so với diện tích đất nông nghiệp toàn huyện. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của 3 xã nghiên cứu được thể hiện ở bảng 1.



Hình 1. Sơ đồ hành chính huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2018 của vùng nghiên cứu

Đơn vị tính diện tích: ha

STT	Loại đất	Mã loại đất	Xã Triệu Ái		Xã Triệu Đại		Xã Triệu An	
			Diện tích	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.367,5	100	682,7	100	874,5	100
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	1.079,8	11,5	678,4	99,4	541,8	61,9
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	837,4	8,9	678,1	99,3	509,9	58,3
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	242,4	2,6	0,3	0,1	31,9	3,6
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	8.280,5	88,4			152,8	17,5
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7,1	0,1	4,3	0,6	168,7	19,3
1.4	Đất làm muối	LUM					10,9	1,2
1.5	Đất nông nghiệp khác	NHK					0,3	0,1

Nguồn: Thống kê đất đai huyện Triệu Phong năm 2018

3.2 Loại hình sử dụng đất và các kiểu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Theo số liệu thống kê kết hợp với điều tra thực tế về tình hình sử dụng đất và sản xuất nông nghiệp, 3 xã nghiên cứu có các loại hình sử dụng đất chính và các kiểu sử dụng đất như bảng 2.

Loại hình sử dụng đất chuyên trồng lúa 2 vụ: Loại hình sử dụng đất này được trồng phổ biến tại vùng đồng bằng và một số vùng trung du vì ở đây có địa hình thấp, có hệ thống tưới nước của Nam Thạch Hãn, hệ thống tưới nước sông Ái Tử. Giống lúa chủ yếu là giống HC95,... gạo dẻo, ngon có năng suất cao và giá thành cao, thị trường ổn định.

Loại hình sử dụng đất chuyên trồng lúa 1 vụ: Loại hình sử dụng này phổ biến tiểu vùng ven biển, vì ở đây hệ thống tưới tiêu không có, nguồn nước sản xuất phụ thuộc vào nước trời, nên ở vùng này chỉ sản xuất được 1 vụ là vụ Đông Xuân, vụ có lượng mưa lớn nhất trong năm.

Loại hình sử dụng đất chuyên màu: Loại hình sử dụng này phổ biến tại cả 3 xã nghiên cứu. Ở xã Triệu An, xã Triệu Đại có kiểu sử dụng đất chuyên cây lạc, ở xã Triệu Ái có kiểu sử dụng đất chuyên cây sắn.

Như vậy, nghiên cứu tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế của các LUT sau: đất chuyên lúa và đất chuyên màu.

3.3 Đánh giá hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất (LUT) sản xuất nông nghiệp

Hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất

Tiểu vùng 1 (Xã Triệu Ái): Hệ thống sử dụng đất đa dạng với 2 loại hình sử dụng đất bao gồm 3 kiểu sử dụng đất, cụ thể :

– *LUT chuyên lúa (lúa 2 vụ):* Với kiểu sử dụng đất lúa Đông Xuân - lúa Hè Thu cho giá trị cao hơn so với loại hình sử dụng đất khác, giá trị sản xuất 70,2 triệu đồng/ha, giá trị gia tăng đạt 44,4 triệu đồng/ha, loại hình này có ý nghĩa đảm bảo an ninh lương thực của địa phương, giải quyết lao động địa phương.

Bảng 2. Các loại hình sử dụng đất chính của 3 xã vùng nghiên cứu

Loại hình sử dụng đất	Kiểu sử dụng đất		
	Xã Triệu Ái	Xã Triệu Đại	Xã Triệu An
Đất chuyên trồng lúa 2 vụ	Lúa Đông Xuân – lúa Hè Thu	Lúa Đông Xuân – lúa Hè Thu	
Đất chuyên trồng lúa 1 vụ			Lúa Đông Xuân
Đất chuyên màu	Sắn	Lạc	Lạc

Nguồn: Kết quả điều tra năm 2018

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất (Đơn vị tính : nghìn đồng/ha)

Loại hình sử dụng đất	Kiểu sử dụng đất	GTSX	CPTG	GTGT
Tiểu vùng 1 (trung du): Xã Triệu Ái				
Chuyên lúa	Lúa Đông Xuân – Lúa Hè Thu	70.208,60	25.788,60	44.420,00
Chuyên màu	Cây Sắn	33.910,60	13.440,00	20.470,60
Tiểu vùng 2 (đồng bằng): Xã Triệu Đại				
Chuyên lúa	Lúa Đông Xuân – Lúa Hè Thu	81.863,60	28.228,6	53.635,00
Chuyên màu	Lạc	24.000,00	14.988,88	9.011,12
Tiểu vùng 3 (ven biển): xã Triệu An				
Chuyên lúa	Lúa Đông Xuân	36.358,40	22.000,00	14.358.40
Chuyên màu	Lạc	29.400,00	15.000,00	14.400,00

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2018

– *LUT chuyên màu* : Ở tiểu vùng 1 trồng cây Sắn giá trị sản xuất 33,9 triệu đồng/ha thấp hơn 1,2 lần so với *LUT chuyên lúa*. Loại hình sử dụng đất này cho hiệu quả kinh tế cao nhất so với cùng loại hình sử dụng đất ở tiểu vùng 2 và 3, giải quyết được nguồn lao động nhàn rỗi tại địa phương.

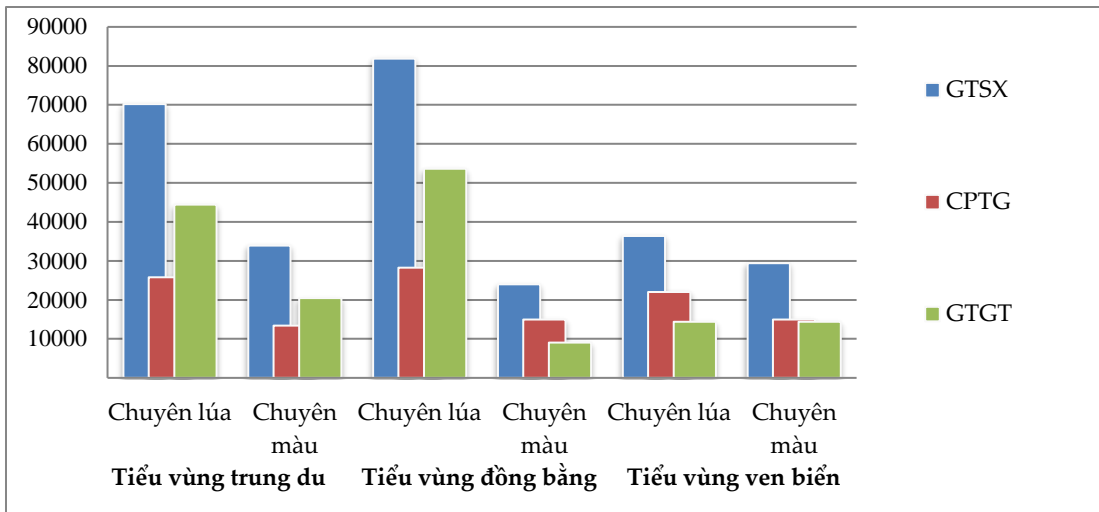
Tiểu vùng 2 (Xã Triệu Đại): có 2 loại hình sử dụng đất bao gồm 3 kiểu sử dụng đất, cụ thể:

– *LUT chuyên lúa (lúa 2 vụ)*: Với kiểu sử dụng đất lúa Đông Xuân - Lúa Hè Thu cho giá trị cao hơn so với loại hình sử dụng đất khác, giá trị sản xuất 81,86 triệu đồng/ha, giá trị gia tăng đạt 53,63 triệu đồng/ha. Kiểu sử dụng đất này còn có ý nghĩa lớn trong vấn đề đảm bảo an ninh lương thực trong thời điểm giá cả tăng cao và giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông nhàn, tạo nguồn thu nhập cho hộ nông dân .

– *LUT chuyên màu* : Ở tiểu vùng 1 trồng cây Lạc giá trị sản xuất 24 triệu đồng/ha chỉ bằng 29% so với giá trị sản xuất của *LUT chuyên lúa*. Giá trị gia tăng chỉ đạt 9,01 triệu đồng/ha. Loại hình sử dụng đất này cho hiệu quả kinh tế thấp, giải quyết được nguồn lao động nhàn rỗi tại địa phương.

Tiểu vùng 3 (Xã Triệu An): Do tiểu vùng này chủ yếu là đất cát ven biển, nghèo dinh dưỡng nên rất hạn chế cho việc sản xuất nông nghiệp. Tiểu vùng có 2 *LUT* chính, trong đó *LUT chuyên màu* cho hiệu quả cao kinh tế cao nhất trong tiểu vùng.

– *LUT chuyên lúa (lúa 1 vụ)*: Với kiểu sử dụng đất lúa Đông Xuân cho giá trị cao hơn so với loại hình sử dụng đất khác, giá trị sản xuất 36,35 triệu đồng/ha, giá trị gia tăng đạt 14,35 triệu đồng/ha. Kiểu sử dụng đất này còn có ý nghĩa lớn trong vấn đề đảm bảo an ninh lương thực trong thời điểm giá cả tăng cao và giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông nhàn, tạo nguồn thu nhập cho hộ nông dân.



Hình 1. Hiệu quả kinh tế của các LUT vùng nghiên cứu

– *LUT chuyên màu* : Ở tiểu vùng 3 trồng cây Lạc giá trị sản xuất 29,40 triệu đồng/ha thấp hơn 20% so với LUT chuyên lúa. Giá trị gia tăng 14,40 triệu đồng/ha. Loại hình sử dụng đất này cho hiệu quả kinh tế thấp so với tiểu vùng 1, tuy nhiên góp phần giải quyết được nguồn lao động nhàn rỗi tại địa phương.

Tổng hợp hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất theo tiểu vùng

Kết quả tổng hợp hiệu quả kinh tế của các LUT theo các tiểu vùng được thể hiện trong bảng 3. Kết quả bảng 3 cho thấy:

LUT chuyên lúa (lúa 2 vụ) ở tiểu vùng 2 cho hiệu quả kinh tế cao hơn các LUT khác. GTGT bình quân của LUT này cao gấp 2,4 lần so với GTGT bình quân của LUT chuyên lúa 1 vụ, cao gấp 2,5 lần so với GTGT bình quân của LUT chuyên màu. Bình quân GTGT/LĐ của LUT này đạt 336,46 nghìn đồng/ngày công. Như vậy, kết quả cho thấy: tiểu vùng 1 có ưu thế với LUT chuyên màu, chuyên lúa với cây trồng chủ đạo là: sắn, lúa. Tiểu vùng 2 có điều kiện thuận lợi hơn về địa hình, đất đai, chủ động được nước tưới hơn nên có thể trồng được nhiều loại cây cho giá trị kinh tế cao như: LUT chuyên màu, LUT chuyên lúa. Các cây trồng chủ đạo của vùng này là: Lúa, lạc. Tiểu vùng 3 có điều kiện sản xuất kém thuận lợi hơn với tất cả các loại hình sử dụng đất. Diện tích trồng lúa chỉ để đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.

Bảng 3. Tổng hợp hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất theo tiểu vùng (Đơn vị tính: nghìn đồng/ha)

Hạng mục	GT SX	CPTG	GTGT	Lao động (công)
Đất sản xuất nông nghiệp				
TB chung	39.772,47	19.907,68	25.649,22	197
Tiểu vùng 1	34.706,4	19.614,3	32.445,40	197
Tiểu vùng 2	52.931,8	21.608,74	31.323,06	230
Tiểu vùng 3	32.879,2	18.500,00	14.379,20	165
Chia theo từng loại hình sử dụng đất (LUT)				
LUT chuyên lúa (lúa 2 vụ)				
TB chung	76.036,10	27.008,60	49.027,60	291
Tiểu vùng 1	70.208,60	25.788,60	44.420,20	263
Tiểu vùng 2	81.863,60	28.228,60	53.635,00	320
LUT chuyên lúa (lúa 1 vụ)				
TB chung	36.358,40	22.000,00	14.358,40	141
Tiểu vùng 3	36.358,40	22.000,00	14.358,40	141
LUT chuyên màu				
TB chung	28.303,53	14.476,29	13.827,24	154
Tiểu vùng 1	33.910,60	13.440,00	20.470,60	131
Tiểu vùng 2	24.000,00	14.988,88	9.011,12	140
Tiểu vùng 3	29.400,00	15.000,00	14.400,00	190

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2018

3.4 Hiệu quả về xã hội

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về mặt xã hội là một chỉ tiêu khó định lượng được, trong phạm vi nghiên cứu này chúng tôi chỉ đề cập đến một số chỉ tiêu: Giá trị ngày công lao động, mức thu hút lao động của các kiểu sử dụng đất trong các vùng.

Để đánh giá được hiệu quả xã hội của quá trình sản xuất nông nghiệp, nghiên cứu tiến hành so sánh mức đầu tư lao động và hiệu quả kinh tế tính bình quân theo lao động của mỗi kiểu sử dụng đất trên mỗi vùng. Kết quả cho thấy:

+ **Về mức đầu tư công:** Công lao động bỏ ra càng nhiều chứng tỏ thời gian nông nhàn càng ít, nhiều việc làm cho nông dân. Loại hình sử dụng đất chuyên lúa (lúa Đông Xuân – lúa Hè Thu) ở Tiểu vùng 2 là mất nhiều công nhất với 161 công/ha và 159 công/ha. Trong khi đó loại hình sử dụng đất chuyên màu ở Tiểu vùng 3 lại mất nhiều công nhất với 190 công/ha.

Bảng 4. Mức đầu tư lao động và thu nhập/ngày công lao động của cả 3 tiểu vùng

TT	Kiểu sử dụng đất	Lao động (công)	GTSX (1000 đồng)	GTGT (1000 đồng)
Tiểu vùng 1 (Xã Triệu Ái)				
1	Lúa Đông Xuân	132	275,82	181,99
2	Lúa Hè Thu	131	258,07	155,79
3	Sắn	120	469,70	314,85
Tiểu vùng 2 (Xã Triệu Đại)				
1	Lúa Đông Xuân	161	265,88	178,06
2	Lúa Hè Thu	159	245,68	157,08
3	Lạc	140	154,28	47,22
Tiểu vùng 3 (Xã Triệu An)				
1	Lúa 1 vụ Đông Xuân	141	257,13	155,59
2	Lạc	190	154,74	75,79

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2018

+ *Về giá trị ngày công*: Mặc dù LUT chuyên lúa ở Tiểu vùng 2 mất nhiều công nhất nhưng giá trị gia tăng/lao động ở tiểu vùng này chỉ đạt 157,08 hoặc 178,06 nghìn đồng trong khi đó LUT chuyên lúa ở Tiểu vùng 1 cho giá trị gia tăng/lao động cao nhất là 181,99 nghìn đồng. LUT chuyên màu với cây sắn ở Tiểu vùng 1 cũng cho giá trị gia tăng/lao động cao nhất, đạt 314,85 nghìn đồng so với LUT chuyên màu ở các tiểu vùng còn lại.

Như vậy, cùng loại hình sử dụng đất chuyên lúa thì Tiểu vùng 1 đầu tư 263 công nhưng giá trị ngày công/lao động đạt cao nhất là 337,78 nghìn đồng. Trong khi đó ở Tiểu vùng 2 mặc dù đầu tư 320 công (cao hơn 57 công so với tiểu vùng 1) nhưng giá trị ngày công/lao động lại có giá trị thấp hơn, đạt 335,14 nghìn đồng. Cùng loại hình sử dụng đất chuyên màu: ở Tiểu vùng 1 đầu tư công ít nhất (120 công) nhưng giá trị ngày công/lao động cao gấp 3 lần so với các tiểu vùng còn lại.

3.5 Hiệu quả về môi trường

Việc nghiên cứu, đánh giá sự ảnh hưởng của việc sử dụng đất và hệ thống cây trồng hiện tại tới môi trường là vấn đề rất lớn và phức tạp, đòi hỏi phải có số liệu phân tích về các tác động của đất, nước với mẫu nông sản trong một thời gian dài. Nghiên cứu này chỉ đề cập đến một số ảnh hưởng về mặt môi trường của các kiểu sử dụng đất hiện tại thông qua các chỉ tiêu sau:

Mức sử dụng phân bón: Dựa vào tổng hợp số liệu điều tra, nghiên cứu đã tổng hợp các mức đầu tư phân bón (bảng 5).

Bảng 5. Mức đầu tư phân bón các cây trồng

Cây trồng	Lượng phân bón kg/ha/vụ			
	N	P	K	Phân chuồng
Tiểu vùng 1 (trung du): Xã Triệu Ái				
Lúa Đông Xuân	160	100	120	0
Lúa Hè Thu	160	100	120	0
Sắn	300	200	100	0
Tiểu vùng 2 (đồng bằng): Xã Triệu Đại				
Lúa Đông Xuân	180	140	140	0
Lúa hè thu	180	140	140	0
Lạc	200	140	120	0
Tiểu vùng 3 (ven biển): xã Triệu An				
Lúa đông xuân	180	140	140	0
Lạc	200	140	120	0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2018

Bảng 6. So sánh mức đầu tư phân bón thực tế tại địa phương với tiêu chuẩn bón phân cân đối và hợp lý

TT	Cây trồng	Theo điều tra nông hộ				Theo tiêu chuẩn (*)			
		N (Kg/ha)	P (Kg/ha)	K (Kg/ha)	Phân chuồng (tấn/ha)	N (Kg/ha)	P ₂₀₅ (Kg/ha)	K ₂₀ (Kg/ha)	Phân chuồng (tấn/ha)
1	Lúa Đông Xuân	160	100	120	0	120–130	80–90	30–60	8–10
2	Lúa Hè Thu	160	100	120	0	80–100	50–60	0–30	6–8
3	Sắn	300	200	100	0	60–70	30–40	60–70	10
4	Lạc	200	140	120	0	20–30	60–90	30–60	10

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra; (*)Theo tiêu chuẩn bón phân cân đối và hợp lý của Nguyễn Văn Bộ (2000)

Nghiên cứu đã so sánh kết quả đầu tư phân bón theo điều tra nông hộ với tiêu chuẩn bón phân cân đối cho các cây trồng của Nguyễn Văn Bộ [6]. Thực tế đó cho thấy việc sử dụng phân bón tại 3 xã nghiên cứu cho cây trồng lúa, sắn, lạc còn thiếu khoa học và lãng phí. Người dân quá chú trọng đến sử dụng phân bón hóa học mà không sử dụng phân chuồng, dẫn đến tỷ lệ N:P:K mất cân đối.

Thuốc bảo vệ thực vật

Khi điều tra 106 hộ gia đình trên địa bàn 3 xã đại diện cho 3 tiểu vùng về mức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cho thấy 95% các hộ đều sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Hầu hết các loại cây trồng đều được phun thuốc bảo vệ thực vật ít nhất 1 lần/vụ.

Mức độ thích hợp của hệ thống cây trồng hiện tại đối với đất

Tổng hợp từ phiếu điều tra, phỏng vấn hộ nông dân về khả năng thích hợp của cây trồng hiện tại đối với đất thì 100% nông hộ cho rằng sự thích hợp được hiểu là khả năng cho năng suất cao và ổn định của các loại cây trồng. Phần lớn các hộ nông dân được hỏi đều cho rằng canh tác cây lương thực, cây lạc, cây sắn không ảnh hưởng đến môi trường đất, các loại cây này luôn cho năng suất ổn định.

Sau khi tiến hành điều tra, phỏng vấn các hộ nông dân để xác định mức độ ảnh hưởng của các kiểu sử dụng đất đến môi trường, kết quả cho thấy: 95% các hộ nông dân đều cho rằng hệ thống cây trồng hiện tại là tương đối thích hợp với đất. Tuy nhiên để đảm bảo tính bền vững của các loại hình sử dụng đất hiện tại của 3 xã nghiên cứu thì cần phải tập huấn về kỹ thuật sản xuất, phòng trừ sâu hại và bổ sung thêm các kiểu sử dụng đất với các loại cây trồng thích hợp nhằm khai thác triệt để quỹ đất hiện có, nhất là trên các chân đất trồng 1 vụ Lúa, 2 vụ Lúa.

Vấn đề xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật

Hiện tại tại địa bàn xã Triệu Đại đã xây dựng các điểm tập kết về các bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi đã sử dụng tại các cánh đồng, còn trên địa bàn xã Triệu Ái, Triệu An chưa có địa điểm tập kết về bao bì thuốc bảo vệ thực vật, đa số các hộ gia đình sử dụng xong thuốc bảo vệ thực đã bỏ bao bì đã sử dụng tại đồng ruộng gây ra nguy cơ làm ô nhiễm đến đất và nguồn nước.

4 Kết luận

Nghiên cứu đã đánh giá được hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho 2 loại hình sử dụng đất chính: đất chuyên lúa và đất chuyên màu ở 3 xã được lựa chọn của huyện Triệu Phong. Giá trị sản xuất bình quân đất sản xuất nông nghiệp là 39.722,47 ngàn đồng/ha với giá trị gia tăng bình quân là 25.649,22 ngàn đồng/ha. GTSX tính bình quân cho một lao động là 270,47 ngàn đồng và giá trị gia tăng bình quân cho một lao động là 177,17 ngàn đồng. Loại hình sử dụng đất chuyên lúa (lúa 2 vụ) ở Tiểu vùng 2 (vùng đồng bằng) của huyện Triệu Phong cho giá trị sản xuất và giá trị gia tăng cao nhất. Bình quân giá trị sản xuất trên mỗi lao động đạt 523 ngàn đồng/ha và giá trị gia tăng trên mỗi lao động đạt 336,46 ngàn đồng/ha. Trong khi đó, loại hình sử dụng đất chuyên màu ở tiểu vùng 1 (vùng trung du) có giá trị sản xuất và giá trị gia tăng cao nhất so với các tiểu vùng còn lại. Hai loại hình sử dụng đất chính này đảm bảo gia tăng lợi ích cho người nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, thu hút được lao động. Việc sử dụng phân bón của nông dân ở 3 xã nghiên cứu chưa cân đối so với tiêu chuẩn cho phép. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật vẫn chưa có sự kiểm soát chặt chẽ.

Nghiên cứu chỉ được thực hiện trong phạm vi 3 xã đại diện 3 tiểu vùng sinh thái do đó cần tiếp tục nghiên cứu trên phạm vi không gian rộng hơn và cần thời gian để có kết luận chính xác

hơn. Việc nghiên cứu, đánh giá sự ảnh hưởng của việc sử dụng đất và hệ thống cây trồng hiện tại tới môi trường là vấn đề rất lớn và phức tạp, do đó cần phải thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu để có số liệu phân tích chất lượng thổ nhưỡng, nước với mẫu nông sản trong một thời gian dài.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Văn Nhạ, Nguyễn Thị Phong Thu, (2016), Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 14(12), 1934–1944.
2. Trần Thị Thanh Hoa, (2018), *Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình*, Luận văn thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Phan Chí Nguyên, Phạm Thanh Vũ, Vương Tuấn Huy, Phan Hoàng Vũ, Nguyễn Thị Song Bình, Võ Quốc Sử và Trần Văn Dũng, (2019), Đánh giá tiềm năng đất đai cho phát triển vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55(1), 12–23. DOI: 10.22144/ctu.jsci.2019.108
4. Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Hữu Ngũ, Hồ Kiệt, Nguyễn Bích Ngọc, Hoàng Anh Cẩm, (2019), Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trước và sau quá trình tích tụ và tập trung đất đai tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 128(3A), 121–134. DOI: 10.26459/hueuni-jard.v128i3B.5106.
5. Chi cục thống kê huyện Triệu Phong, (2019), *Niên giám thống kê*, Cục thống kê Quảng Trị.
6. Nguyễn Văn Bộ, (2000), *Bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.